

Bản án số: 36/2025/DS-ST

Ngày 26/5/2025.

Về tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hạnh.

2. Ông Đinh Văn Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 525/2024/TLST - DS ngày 04 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2025/QĐST -DS ngày 06 tháng 5 năm 2025 giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty T1 (Việt Nam)

Địa chỉ: Số I P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lee Yun H, Tổng Giám đốc (vắng mặt).

Ủy quyền cho ông Trần La Ngọc H1, chức vụ: Trưởng phòng tổ tụng được ký tài liệu theo Quyết định ủy quyền số 162/2024/QĐ-MAFC ngày 02 tháng 4 năm 2024 (vắng mặt).

Ủy quyền tham gia tố tụng theo Hợp đồng ủy quyền số 09/2024/GUQ-MAFC ngày 02 tháng 5 năm 2024 cho: Công ty L1. Địa chỉ: B L, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Cồ Lê H2, chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

Ủy quyền tham gia tố tụng lại cho: Ông Võ Bá L, sinh năm 2002. Chức vụ: Nhân viên. Địa chỉ: B L, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Nguyễn Thị Quý T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền nguyên đơn trình bày như sau:

Ngày 17/4/2023, Công ty T1 (sau đây viết tắt là “Công ty T1”) và bà Huỳnh Nguyễn Thị Quý T ký kết Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 4540543 (sau đây viết tắt là “Hợp đồng tín dụng”), kèm theo lịch thanh toán và bản điều khoản và điều kiện cho vay. Nội dung cơ bản của hợp đồng: Công ty T1 cho bà T vay số tiền là 20.247.600đ (gồm tiền vay là 18.800.000đ và 1.447.600đ tiền bảo hiểm khoản vay; mục đích vay: vay tiêu dùng và mua bảo hiểm người vay vốn; phương thức cho vay: cho vay trả góp; thời hạn vay 36 tháng; thời hạn vay: kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân (ngày 20/4/2023) cho đến ngày 15/4/2026; tiền vay trả theo kỳ mỗi tháng một lần vào ngày 15 hàng tháng, ngày trả đầu tiên là 15/5/2023; tiền lãi 3,83%/tháng; 46%/năm; lãi quá hạn 150% lãi trong hạn; lãi chậm trả 10%/năm hoặc thấp hơn tùy theo quyết định của Công ty T1 theo từng thời điểm.

Thực hiện hợp đồng tín dụng, ngày 19/4/2023, Công ty T1 giải ngân số tiền cho vay 18.800.000đ bằng phương thức chuyển khoản từ số tài khoản 19125812410022 của Công ty T1 đến tài khoản số 6003205156614 của bà Huỳnh Nguyễn Thị Quý T tại Ngân hàng N và tổng số tiền bảo hiểm khoản vay là 1.447.600đ tiền bảo hiểm khoản vay theo Chứng nhận bảo hiểm số 900034930/1; Chứng nhận bảo hiểm số 900034930/2; Chứng nhận bảo hiểm số 900034930/3 và Chứng nhận bảo hiểm số 900034930/4 cùng ngày 19/4/2023. Bà Huỳnh Nguyễn Thị Quý T có nghĩa vụ trả nợ vào ngày 15 hàng tháng, gồm 36 kỳ (từ ngày 15/5/2023 đến ngày 15/4/2026).

Tính đến ngày 17/9/2023, bà Huỳnh Nguyễn Thị Quý T trả được 05 kỳ với số tiền 4.525.567đ (bao gồm tiền lãi và phí). Từ ngày 18/9/2023 đến nay, Công ty T1 nhiều lần yêu cầu bà Huỳnh Nguyễn Thị Quý T trả nợ nhưng bà T không trả. Tính đến ngày 26/5/2025, bà Huỳnh Nguyễn Thị Quý T còn nợ tổng cộng là 37.408.946đ, bao gồm: tiền nợ gốc là 20.247.600đ; tiền nợ lãi từ kỳ thứ 6 đến kỳ 36 là 14.994.760đ; tiền lãi quá hạn là 899.444đ; lãi chậm trả là 1.267.142đ và tiền lãi, phí phát sinh kể từ ngày 27/5/2025 cho đến khi trả hết nợ.

Nay Công ty T1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Huỳnh Nguyễn Thị Quý T phải trả số tiền còn nợ tổng cộng là 37.408.946đ và lãi, phí phát sinh kể từ ngày 27/5/2025 đến khi trả xong nợ.

Đối với bị đơn là bà Huỳnh Nguyễn Thị Quý T: Quá trình giải quyết vụ án, bà T vắng mặt, không gửi ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn, đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng và phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số tiền nợ tổng cộng là 37.408.946đ và lãi, phí phát sinh kể từ ngày 27/5/2025 đến khi trả xong nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn - Công ty T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn - bà Huỳnh Nguyễn Thị Quý T trả tiền nợ gốc, lãi phát sinh từ “Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4540543 ngày 17/4/2023” nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Theo kết quả xác minh tại Công an xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thì bị đơn - bà Huỳnh Nguyễn Thị Quý T có nơi cư trú tại thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, tình trạng đã bỏ đi khỏi địa phương, không có địa chỉ mới. Tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4540543 ngày 17/4/2023, ghi nhận địa chỉ của bà T tại tổ H, thôn S, xã S, thị xã P (nay là thành phố P), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Kết quả xác minh tại Công an xã S xác định: “Trên phần mềm cơ sở dữ liệu dân cư và trên địa bàn không có công dân nào tên Huỳnh Nguyễn Thị Quý T cư trú”. Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự thì trường hợp của bà T được coi là cố tình giấu địa chỉ. Tòa án xác định nơi cư trú cuối cùng của bà T tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thuộc tổ T, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn - bà Huỳnh Nguyễn Thị Quý T không có yêu cầu phản tố đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa đến lần

thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét nội dung tranh chấp và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng: Quá trình tố tụng, Công ty T1 khai rằng vào ngày 17/4/2023 có ký Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4540543 với bà Huỳnh Nguyễn Thị Quý T; kèm theo lịch thanh toán và bản điều khoản và điều kiện cho vay; Hợp đồng được ký bằng dịch vụ chữ ký số công cộng theo Hợp đồng đối tác cung cấp và sử dụng dịch vụ chữ ký số công cộng FPT-CA số 2020.123/HDKT/BK6 ngày 06/4/2020; sau khi ký kết hợp đồng, Công ty T1 đã tiến hành giải ngân số tiền cho vay vào tài khoản số 6003205156614 của bà Huỳnh Nguyễn Thị Quý T tại Ngân hàng N và tiền bảo hiểm khoản vay vào ngày 19/4/2023. Xét thấy, việc giao kết hợp đồng là có thật, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện giao kết, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định về điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự tại Điều 117 Bộ luật Dân sự nên các hợp đồng trên có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Xét yêu cầu trả tiền gốc, lãi của nguyên đơn:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng, bà Huỳnh Nguyễn Thị Quý T đã vay của Công ty T1 số tiền là 20.247.600đ. Thời hạn vay là 36 tháng (đến hết ngày 15/4/2026). Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Công ty T1 giải ngân đủ số tiền cho vay thể hiện tại Phiếu báo nợ ngày 19/4/2023 và Chứng nhận bảo hiểm số 900034930/1; Chứng nhận bảo hiểm số 900034930/2; Chứng nhận bảo hiểm số 900034930/3 và Chứng nhận bảo hiểm số 900034930/4 cùng ngày 19/4/2023. Bà Huỳnh Nguyễn Thị Quý T đã trả nợ được tổng cộng tiền lãi và phí là 4.525.567đ. Tính đến thời điểm xét xử (ngày 26/5/2025), bà T còn nợ 37.408.946đ, bao gồm: tiền nợ gốc là 20.247.600đ; tiền nợ lãi từ kỳ thứ 6 đến kỳ 36 là 14.994.760đ; tiền lãi quá hạn là 899.444đ; lãi chậm trả là 1.167.142đ và tiền lãi, phí phát sinh kể từ ngày 27/5/2025 cho đến khi trả hết nợ. Việc bà Huỳnh Nguyễn Thị Quý T không trả nợ đúng hạn là vi phạm thỏa thuận về thời hạn vay và phương thức trả nợ theo lịch thanh toán và Điều 11.2 về chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn của Bản điều khoản và điều kiện cho vay đính kèm Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Theo hợp đồng tín dụng đã ký thì thấy: Mức lãi suất trong hạn áp dụng là 46%/năm, mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả bằng 10%/năm. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng “1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng. 2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Như vậy, mức lãi mà Công ty T1 áp dụng trên là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; các điều 7, 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm

phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn về trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký là có căn cứ, cần chấp nhận.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T1 buộc bà Huỳnh Nguyễn Thị Quý T phải trả nợ gốc, lãi cho Công ty T1.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm: 1.870.000đ (một triệu tám trăm bảy mươi ngàn đồng). Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 26, 35, 227, 228 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T1 (Việt Nam) đối với bà Huỳnh Nguyễn Thị Quý T về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc bà Huỳnh Nguyễn Thị Quý T phải trả cho Công ty T1 (Việt Nam) số tiền nợ tính đến ngày 26/5/2025 tổng cộng là 37.408.946đ, bao gồm: tiền nợ gốc là 20.247.600đ; tiền nợ lãi từ kỳ thứ 6 đến kỳ 36 là 14.994.760đ; tiền lãi quá hạn là 899.444đ; lãi chậm trả là 1.167.142đ và tiền lãi, phí phát sinh kể từ ngày 27/5/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi hai bên đã thoả thuận tại Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 4540543 ngày 17/4/2023, kèm theo lịch thanh toán và bản điều khoản và điều kiện cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Huỳnh Nguyễn Thị Quý T phải nộp 1.870.000đ (một triệu tám trăm bảy mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty T1 (Việt Nam) 650.000đ (sáu trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 1720 ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/5/2025), nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng

Tàu xét xử phúc thẩm, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn 15 ngày được kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND huyện Châu Đức;
- Chi cục THADS huyện Châu Đức;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Bùi Thị Huyền